

Bản án số: 71/2019/HS-PT
Ngày 06-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thuyên và bà Phạm Thị Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 77/2019/TLPT-HS ngày 23 tháng 7 năm 2019 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2019/HS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’lấp, tỉnh Đắk Nông do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Các bị cáo bị kháng nghị:

1. Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn 07, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thủy T và bà Phạm Thị Bích Ng (*đều đã chết*); có chồng là Nguyễn Đức Th và có 03 con; có 02 tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2012/HSST ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’lấp xử phạt 07 (*bảy*) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và Bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2013/HSST ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’lấp xử phạt 09 (*chín*) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tổng hợp hình phạt chung của 02 Bản án là 16 (*mười sáu*) năm tù; hiện đang chấp hành án – Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Nguyễn Văn L, sinh năm 1967 tại thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn 07, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị M (*đều đã chết*); có vợ là Hà Ánh T và có 02 con; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn 7, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Ông Thân Anh T, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn 02, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Chị Nguyễn Thị T – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013, Nguyễn Thị H bị TAND huyện Đắk R’lấp xử phạt 16 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên H được hoãn chấp hành án. Đầu năm 2016 hết thời hạn hoãn chấp hành án nên H nhờ Nguyễn Văn L nuôi 03 đứa con của H để H đi chấp hành án, khi chồng H là Nguyễn Đức Th chấp hành án xong sẽ đón con về nuôi nhưng L không đồng ý. Do nhiều lần nhờ L không được nên H nói L làm cho H giấy khai sinh và sổ hộ khẩu giả thể hiện H đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi để H tiếp tục xin hoãn chấp hành án. Thấy hoàn cảnh gia đình H khó khăn, chồng H đang chấp hành án chưa xong, nếu H đi chấp hành án sẽ không có ai nuôi con nên L đồng ý. H đưa cho L 01 giấy khai sinh mang tên Nguyễn Quốc Kh là con trai của H và 01 sổ hộ khẩu bản gốc của H để L lấy thông tin. Khoảng một tuần sau, L mang theo giấy khai sinh, sổ hộ khẩu mà H đưa cùng một mẫu giấy khai sinh mang tên Nguyễn Hải Đ (*sinh ngày 04/12/2015*) chưa được ký, đóng dấu và một mẫu giấy khác có chữ ký, đóng dấu của Phó chủ tịch UBND xã N là ông Nguyễn Văn M mà L nhặt được tại trụ sở UBND xã N ra tiệm phô tô của chị Nguyễn Thị T. L nói chị T đánh máy các thông tin theo yêu cầu trên mẫu giấy khai sinh khớp với phong chữ ở tờ khai sinh mang tên Nguyễn Hải Đ, sau đó in ra, cắt và dán vào tờ giấy khai sinh mang tên Nguyễn Hải Đ, thể hiện Đ là con của H, sau đó L cắt phần có chữ ký, đóng dấu của ông M dán vào giấy khai sinh mang tên Nguyễn Hải Đ rồi nhờ chị T phô tô 03 bản. L phô tô 01 bản sổ hộ khẩu của H và dùng tờ giấy số 05 trong 01 sổ hộ khẩu chưa ghi thông tin mà L nhặt được tại trụ sở Công an xã N trước đó, tự điền tên Nguyễn Hải Đ và các thông tin khác vào tờ giấy này, thể hiện Đ là con của H. L cắt chữ ký đã đóng dấu của Phó trưởng Công an xã N là ông Nguyễn Hữu B dán vào tờ giấy ghi tên Nguyễn Hải Đ, phô tô đóng lại chung với sổ hộ khẩu đã phô tô của H, sau đó phô tô thành 03 quyển.

Do bản thân đang là Công an viên thường trực của xã N nên L vào tổ một cửa tự đóng dấu chứng thực rồi mang lên phòng làm việc của ông M trình ký. Vì có mối quan hệ từ trước và đã nhiều lần ký xác nhận các giấy tờ do L trình ký nên ông M không kiểm tra mà ký xác nhận vào giấy khai sinh và sổ hộ khẩu do L mang đến. Sau đó L tự điền số, ngày, tháng, năm vào 02 giấy khai sinh, 02 sổ hộ khẩu rồi đưa cho H để H làm đơn xin hoãn chấp hành án gửi TAND huyện Đắk R’lấp; L giữ 01 giấy khai sinh, 01 sổ hộ khẩu giả chưa điền số, ngày, tháng, năm.

Sau khi nhận được đơn xin hoãn chấp hành án của H, TAND huyện Đắk R’lấp yêu cầu H nộp giấy khai sinh và sổ hộ khẩu gốc để đối chiếu, H sợ bị lộ

việc dùng giấy tờ giả nên vào Trạm y tế xã N gặp ông Thân Anh T là Trạm trưởng, nói với ông T do hoàn cảnh khó khăn nên sinh con mà không tới cơ sở y tế, nay muốn làm giấy khai sinh cho con phải có giấy chứng sinh nên nhờ ông T cấp cho H 01 giấy chứng sinh. Dù H không sinh con tại Trạm y tế xã N nhưng ông T vẫn cấp cho H 01 giấy chứng sinh. Đến ngày 23/3/2016, H mang giấy chứng sinh tới tổ một của UBND xã N nộp để xin cấp giấy khai sinh. Do trước đó TAND huyện Đắk R'lấp đã tiến hành xác minh điều kiện hoãn chấp hành án của H nên tổ một của UBND xã N giữ hồ sơ xin cấp giấy khai sinh của H.

Tài liệu, đồ vật thu giữ được lưu trong hồ sơ vụ án gồm: 01 bản sao chứng thực sổ hộ khẩu do ông Nguyễn Văn M ký, đóng dấu chứng thực nhưng chưa có số và ngày, tháng, năm chứng thực; 03 bản sao chứng thực giấy khai sinh do ông Nguyễn Văn M ký, đóng dấu chứng thực mang tên Nguyễn Hải Đ, trong đó 01 giấy khai sinh có số chứng thực 347, quyền số 01/TP/CT-SCT/SGT ngày 04/3/2016, 02 giấy khai sinh chưa có số và ngày, tháng, năm chứng thực; 01 giấy chứng sinh do Trạm y tế xã N cấp ngày 10/12/2016; số tiền 1.000.000 đồng.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng, quá trình điều tra xác định không phải của H và không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk R'lấp đã bàn giao cho Công an xã N để xử lý theo quy định.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2019/HS-ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp đã quyết định:

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 02 (hai) năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 28/6/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định kháng nghị số: 2644/QĐ-VKS-P7, kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2019/HS-ST ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng: Áp dụng khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự 1999 đối với bị cáo Nguyễn Văn L, điểm d khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự 1999 đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông thay đổi kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng khoản 1 Điều 267 của Bộ luật Hình sự 1999 đối với bị cáo Nguyễn Văn L, điểm d khoản 2 Điều 267 của Bộ luật Hình sự 1999 đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

Bị cáo Nguyễn Văn L không bào chữa, tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh và điều luật áp dụng:

Mặc dù không sinh con và không nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nhưng Nguyễn Thị H đã nhờ Nguyễn Văn L làm giả giấy khai sinh, sổ hộ khẩu để H đủ điều kiện được hoãn chấp hành hình phạt tù. Lập làm giả bản sao chứng thực giấy khai sinh mang tên Nguyễn Hải Đ và tờ giấy số 05 trong sổ hộ khẩu của H, sau đó đưa cho H để làm thủ tục hoãn chấp hành hình phạt tù. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” là có căn cứ.

Tuy nhiên, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào năm 2016. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo H có 02 tiền án, thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”. So với Bộ luật Hình sự năm 1999 thì Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bổ sung tình tiết định khung “*Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác*” tại điểm c khoản 2 Điều 341. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 nhưng bỏ sót tình tiết định khung tại điểm c khoản 2 Điều 341 đối với bị cáo H; áp dụng khoản 1 Điều 341 đối với bị cáo L là không đúng. Mặt khác, căn cứ khoản 2 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội thì phải xét xử các bị cáo theo Bộ luật Hình sự năm 1999. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo theo Bộ luật Hình sự năm 2015 là không chính xác, tuy nhiên, việc áp dụng pháp luật không làm xấu đi tình trạng của các bị cáo, do đó, không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm mà cần sửa bản án sơ thẩm về phần áp dụng pháp luật đối với các bị cáo.

[2]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Bị cáo H đang chấp hành hình phạt 16 (*mười sáu*) năm tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2013/HSST ngày 06/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’lấp nhưng khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm không tổng hợp với phần hình phạt của bản án trước là thiếu sót, không đúng quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo H.

[4]. Tòa án cấp sơ thẩm cho bị cáo L được hưởng án treo nhưng ấn định thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án là chưa đúng, cần tuyên rõ “*tính từ ngày tuyên án sơ thẩm*”.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sửa bản án sơ thẩm về phần áp dụng pháp luật.

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 267, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 02 (*hai*) năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”,

tổng hợp với hình phạt 16 (*mười sáu*) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2013/HSST ngày 06/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 18 (*mười tám*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án theo Bản án số: 60/2013/HSST, được trừ thời gian từ ngày 07/10/2010 đến ngày 16/10/2010 và từ ngày 02/11/2012 đến ngày 11/11/2012.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 267, các điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, thời gian thử thách là 01 (*một*) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk R'lấp;
- VKSND huyện Đắk R'lấp;
- CQĐT CA huyện Đắk R'lấp;
- CQ THAHS CA huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- P. HSNVCS CA tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- UBND xã N, huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Lưu Tòa hình sự;
- Lưu Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký tên, đóng dấu*)

Lê Quốc Hương